NĂM THỨ NĂM SỐ 199 Năm 1945

# TRI TÂN

## TẠP CHÍ

1$20

# TRI-TÂN TẠP-CHÍ
## RA HÀNG TUẦN


## MỤC LỤC Số 199


Phép quân điền của nước ta — *Nguyễn-văn-Tố*

Ta phải chống lại lời tuyên truyền của bọn thực dân (I) — *Vũ bội Liệu*

Tây hứng — *Trần huy Bá Ngân Giang*

Hạnh thục ca (VI) — *Ứng-hòe*

Nền học mới Việt-nam — *Hoàng kim Lung*

Một vị danh thần triều Nguyễn (II) — *Trúc-Khê*

Vua Minh mệnh và Trịnh hoài Đức — *Long Điền*

Góp vui — *C. N.*


***


## GIÁ BÁO

| | |
|---|---|
| Một năm | 55$00 |
| Sáu tháng | 30 , 00 |
| Ba tháng | 15 , 00 |
| Một số | 1 , 20 |

***

**TÒA BÁO**

*95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội*

***

**Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh**

Quả ạ vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-ngọ Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương


## GIỚI THIỆU

1) *Tương lai kinh tế Việt nam* của Nguyễn huệ Minh — Bản Thuyên xuất bản—giá 4$00

2) *Gương ái quốc công giáo* — của Thanh niên tùng thư Nam Định giá 3$50.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc. T. T.

***

## Kính cáo

### CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

*Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Nam gởi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chí bằng ngân-phiếu tốc hành (mandat-télégraphique) vì nếu gởi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.*

*T. T.*


## LỊCH VIỆT-NAM

năm Bính-tuất (1946-47)

Có những ngày Lịch - sử

Ai mua xin đặt tiền trước

In có hạn

giá : 12$00

*LONG-ĐIỀN biên-tập* *TRI-TÂN phát-hành*

# PHÉP QUÂN-ĐIỀN CỦA NƯỚC TA

*Ưng hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ở số *Tri tân* vừa rồi, (số 197, tr. 14-15) ông Tinh-phong Nguyễn Toại nói « phương-sách quân-điền... xuất-hiện trước nhất ở nước ta từ năm 1839 » (1). Xem sách nho, thì phép quân-điền bắt đầu có từ cuối đời Trần (1397), đến đời Lê (1428) luật-lệ đã gần đủ. Tôi lấy sử chữ nho, thấy đoạn nào nói về điền-thổ, và lời bàn của tiên nho, dẫn ở dưới này, gọi là góp một ít tài-liệu vào vấn-đề quân-điền ở nước ta.

Về đời Trần, các nhà tông-thất thường sai nô tỳ ra đắp đê đắp đập ở các nơi bãi bể để chắn nước mặn, độ hai, ba năm khai khẩn thành ruộng, lập làm tư-trang (trại riêng). Đến tháng 6 năm thứ 10 hiệu Quang-thái (1397), vua Trần Thuận-tông ban chiếu, lập phép hạn ruộng, duy đại-vương và trưởng công-chúa thì ruộng không có hạn, còn thứ-dân thì không được quá 10 mẫu, nếu thừa thì sung công. Các người có tội được lấy ruộng chuộc tội, người bị tội đi đầy hoặc tội truất cũng được chuộc. (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, q 11, tờ 30 b).

Qua năm sau (1398) có lệnh người dân nào có ruộng phải khai rõ, rồi bên họ và tên cắm ở trên ruộng, các quan lộ, phủ, châu, huyện, hội đồng khám đạc, làm sổ, năm năm thành ruộng, người nào không khai thì bị lấy làm ruộng công. Lúc bấy giờ có chức hành-khiển là Hà-đức-Lân nói vụng với người nhà rằng :

« Đặt ra phép ấy để cướp ruộng của dân ». Hồ-quý-Ly nghe tiếng giáng Hà-đức Lân làm bộ bộ thượng-thư (*K. đ.* q. 11, tờ 33 a và b).

Xem như thế, thì đời Trần đã có công điền rồi, nhưng không thấy sách chép ruộng công ấy có chia cho dân không ? Nên Phan-huy-Chú có bài bàn về phép điền-thổ nhà Trần như sau này : « Xét phép điền-trù (ruộng đất) từ đời tam đại (Hạ, Thương, Chu bên Tàu) về sau, kỷ-cương đổ nát, trăm họ (dân) tự lấn cướp của nhau. Tự nhiên lấy tất cả ra mà chia đều, rất là khó. Nước ta từ Lý, Trần về trước, đại khái cũng tùy số ruộng của dân mà đánh thuế nhiều hay ít, không thể đều nhau được, chính là vì tình-thế khó làm — Quý Ly là một tên thoán-nghịch, động việc gì cũng muốn bắt chước đời xưa việc làm vụn-vặt mà phiền-phức, y như Vương-Mãng (cũng là một tên cướp ngôi nhà Hán). Cái phép hạn ruộng đời bấy giờ, cũng chỉ là hư-danh, thật không ích gì cho người nghèo, mà bởi được việc xâm đoạt. Huống chi hạn chế số ruộng lại chỉ thi-hành với thứ-dân, mà không thi-hành với Vương, Công, tại làm thế nào mà lấp được cái ngòi lấn cướp, mà cho dân được lợi đều nhau » (*Lịch triều hiến chương*, sách viết trong Bác-cổ, số A 50, q. *Quốc dụng chí*, trang 56)

Như vậy thì các vua đời xưa đã có lòng thương dân, mới lập phép cho dân có ruộng cấy cấy, mà no đủ, nhưng thời nào cũng vậy, luật pháp đặt ra thì hay, mà người đứng đầu để thi hành, không có thật-tâm, nên không mấy khi thành ra phép hay. Phan-huy-Chú mới có lời bàn như trên này : Vả lại người đứng đầu lập ra phép điền thổ bấy giờ, lại là Hồ quý Ly.

Đến đời Lê thì việc quân cấp công-điền đã có quy-mô khá hẳn. *Lịch-triều Hiến-chương* (A 50, *quốc dụng chí*, tr. 57) chép rằng ; « Khi Lê Thái-

1) Theo sách Alfred Schreiner *Les institutions annamites en Basse — Cochinchine* (q. II, tr. 36), thì phép quân-điền đã thi-hành ở Gia định từ năm 1832-1833.

tổ đã dẹp yên thiên hạ, bàn định phép quân-điền. Năm 1429, xuống chiếu các quan phủ, huyện, đều đi khám những ruộng, đất, đầm, bãi của công hay của tư, làm thành sổ sách, và sắc các đại thần bàn định số ruộng, để cấp cho quan, lính và dân, kể từ đại-thần trở xuống đến người già-yếu cô quả (mồ côi cha gọi là cô, góa chồng gọi là quả) đều có thứ tự khác nhau. Lại truyền rằng : phủ, huyện, xã nào ruộng đất nhiều, nhân dân ít, mà bỏ hoang, thì cho quan bản-hạt và người xã khác không ruộng được cày giống, điền chủ xã ấy không được chiếm cứ để bỏ hoang. Nếu người nào trái lệnh sẽ theo luật cường-chiếm trị tội ».

Vua Tự-đức phê về việc ấy rằng : « Cái quy mô gây dựng cơ đồ, tuy chưa đến được văn hiến, nhưng cũng dần dần đổi được lậu-tập của Lý, Trần ; nhiều việc khả quan, vận nhà Lê được lâu bền, cũng có lẽ » (*K. đ.*, q. 15, tờ 17 b và 18 a).

Tiếc là gay khi Lê Thái-tổ mới đuổi được người Minh ra khỏi bờ cõi, đã nghĩ đến việc của dân nghèo. Đến đời Lê Thánh-tông thì quy-mô lại càng rõ-rệt, vì ngài đã làm phiên-thần nên ngài thấu hiểu tình của dân gian. Tháng 12 năm Đinh dậu (1477), ngài định lệ rằng : « ... Phàm công-điền ở các xã dân, cứ sáu năm các quan phủ huyện, châu phải kiểm xét đạc lại một lần, chia làm ba bậc, theo số quan, số lính, số dân ứng với số ruộng nhiều hay ít, rồi phân hạng mà quân cấp, ruộng nhiều thì mỗi phần kể từng mẫu, ruộng ít thì mỗi phần kể từng sào từng thước... ». *K. đ.*, q. 23, tờ 20 a và b).

Qua năm tân-sửu (1481) lại chiếu lập đồn điền. Chiếu rằng : « Đặt ra đồn điền là để hết lực người làm ruộng mà rộng kho chứa trong nước, sai các xứ đồn điền định làm ba bậc : thượng, trung, hạ ». Trong *Thiên nam dư-hạ-tập* có chép rõ 43 sở đồn điền (khắp trong nước bấy giờ), mỗi sở đều đặt một chức chánh-sứ và phó-sứ (*K. đ.*, q. 23, tờ 26 a và b).

Hai việc trên này *Lịch-triều hiến chương* có dẫn, nhưng chép sai năm hết cả.

Đến tháng 11 năm thứ 16 hiệu Hồng-đức (1485), Vua Lê Thánh-tông sắc các quan phủ huyện rằng : « Vào khoảng mùa nông thong thả, chiếu bờ cõi trong sổ điền, bắt nhân-dân chỉ dẫn ruộng công và ruộng thế-nghiệp, xây riêng giới mốc để làm cái nêu nhất định lâu dài » *K. đ.*, q. 24, tờ 3 a và b).

Phan huy Chú có bài bàn rằng : « Xét phép quân điền hồi đầu Lê, không thấy chép rõ mỗi hạng bao nhiêu. Nhưng đại-lược những ruộng dem cấp cho dân đều là ruộng công đến như tư điền của dân, thì chưa từng lấy ra quân cấp. Đời Thuận-thiên (1428-1433) thi-hành, luật lệ hãy còn chưa đủ, đến đời Hồng đức (1470-1497) mới định lệ khám dẫn bờ cõi, để xây giới mốc, nghĩa là làm cho bờ cõi được chuẩn đích mà ngăn ngừa việc lấn cướp tranh giành » (*Lịch-triều hiến-chương*, A 50, *Quốc-dụng-chí*, tr. 58).

Tuy sách chép không lấy gì làm rõ lắm, nhưng cứ xem lời bàn của Phan huy-Chú thì việc quân-điền hồi đầu nhà Lê, thật là lưỡng lợi : người nghèo được ruộng đất để cày giống, mà người có tư sản vẫn không bị mất ruộng tư. Như việc quân điền ở Bình-định (xem *Tri tân* số 197, tr. 14) còn phải lấy ruộng tư của người giàu để cấp cho người nghèo, thì còn khó khăn, chứ như việc quân điền hồi đầu Lê thì lấy những ruộng công của người đã mất để cấp cho người mới đến tuổi, cứ sáu năm quan sở-tại khám đạc rồi tính số người mà chia, rất là đúng lý. Nhưng phàm có lợi thường hay có hại. Chữ nho có câu « thủy thành chung tệ » nghĩa là « trước thành công thì sau sinh tệ ».

Cũng vì thế nên hai trăm năm sau, vua Lê Dụ-Tôn (1705 — 1729) lại phải định lệ quân-cấp công-điền. Vì trong khoảng ấy (sau năm 1485 đến trước năm 1711) việc quân-điền giao phó

huyện quân cấp, phần nhiều sơ lược, cho nên không đều. Đến năm 1711 Trịnh-Cương cùng phủ-liêu bàn định, cứ sáu năm một kỳ, sai quan trung-thu chia cấp (Lệ nhà Lê, mỗi phủ, huyện đều đặt một chức trung thu để trông nom việc thu thuế và khuyên dạy việc nông tang). Ruộng mùa thu, không được quá tháng ba; ruộng mùa hè, không được quá tháng chín, để cho vừa việc làm ruộng; các xã dân có công-điền phải kê số người, mỗi phần được nhiều thì tính từng mẫu, mỗi phần được ít thì tính từng sào, từ quan viên đến người quan quả, cô độc, tật bệnh, tùy số người mà liệu chia. Người nào có dân-lộc điền-lộc, ruộng mình ruộng vợ, mà những ruộng ấy ngang với phần ruộng quân-phân thì thôi không cấp nữa. Hoặc có ruộng lậu thuế, thì cho cùng với ruộng miễn thuế, đến năm nào gặp kỳ quân cấp sẽ chia. Ruộng công và đất châu thổ không được mua bán (*K. đ.* q. 35, tờ 8 b).

Phan-huy-Chú có bài bàn về việc cấp điền ấy như sau này: « Xét lệ cấp-điền đời Vĩnh-thịnh (1711, Lê Dụ-tông) đại-lược theo phép cũ của nhà Lê, nhưng điều lệ thông-dụng, cho nên ruộng công của xã nào không vào lệ quân cấp, thì cho tùy ý cùng chi với nhau, chưa hề lấy phép quan mà bắt chia đều. Nước ta duy có Sơn-nam-hạ (nay Nam-định, Hà-nam) công-điền châu-thổ rất nhiều, lệ quân điền, giá chỉ thi-hành ở sở ấy là phải, còn ngoài các trấn khác thì công-điền không mấy, hoặc chỗ nào có, cũng chỉ đủ lương-lính và ngu-tốc mà thôi, chứ không đủ chia cho các hạng, mà tư-điền của dân, thì chưa hề lấy phép mới mà thi-hành...» (*Lịch-triều h. ch.* A 50, *Quốc-dụng-chí*, tr. 68).

Đến năm thứ nhất hiệu Cảnh-hưng (1740) bàn định việc quân điền, chưa thi-hành mà đã bỏ. Trịnh-Doanh hiểu thấu những việc khó khăn ở dân-gian, hâm-mộ phép tỉnh-điền, (1) muốn cho giàu nghèo ngang nhau, xâu thuế cũng đều nhau. Các quan đình-thần bàn rằng: « Từ đời tam-đại trở về sau, phép tỉnh điền đã bỏ, không kinh sách nào chép rõ; quốc-triều ta (Lê), các đời trước, cũng không thi hành nổi. Nay số đinh điền trong nước lên xuống không thường, trộm giặc các nơi chưa yên... Nếu chia ra mà khám đạc, chỉ thêm phiền-nhiễu, người nghèo chưa hẳn đã hoàn tập mà người giàu sinh ra nghi ngại. Muốn làm phép ấy, nên đợi thái bình, mới được » (*L. tr. h. ch.* A 50, *quốc dụng chí*, tr. 68).

Phan-huy-Chú bàn như sau này: « Xét phép quân-điền thực khó, những cần nhắc thời-nghi, cũng có cơ-lợi làm nổi nghĩa là đương khi thái-bình vô sự, mà vội lấy những ruộng của người giàu chia đều cho người nghèo được lợi, thì thế nào cũng sinh ra ta oán, rất là khó làm. Nếu đương lúc khai sáng, cái gì cũng thay đổi, sinh-ly đều mới; nhân khi bãi giặc, một phen kinh lý, mà giúp cho người nghèo được no đủ, sửa lại ruộng bờ làng xóm, thế thì người ta theo nhiều, thế nào cũng làm nổi...» (*L. tr. h. ch.*, A 50, *Quốc dụng-chí*, tr. 69).

Cứ xem những lời nghị-luận của triều-thần đời Cảnh hưng (1740 — 1786) và lời bàn của Phan-huy-Chú, (1782 — 1840) thì trong đời Lê (1428 — 1789), tuy đã đặt phép quân điền đã rõ-ràng kỹ lưỡng, nhưng toàn là lấy ruộng công mà chia cho người nghèo, chứ chưa hề lấy ruộng tư của người giàu mà chia đều. Đối với việc chia công-điền ở Bình-định về đời Minh-mạng, Tự-đức có khác, vì việc quân điền ở Bình-định là lấy ruộng tư của nhà giàu chia cho đều, mỗi cuối ruộng nhà giàu chỉ để cho 5 mẫu ruộng tư mà thôi. Về chi tiết ấy không thấy nói rõ, nhưng chắc cũng có một cái chi-tiết gì khác, nếu không thì thật là không công.

Nhưng dù sao mặc lòng, từ hồi Lê về sau, triều-đình vẫn chú-trọng đến dân, thứ nhất là dân nghèo.

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TÓ

---

*1) Tỉnh-điền là một khu ruộng chia ra chín phần, hình chữ tỉnh là riêng làm nhà làm tám bên, còn ở giữa là ruộng của vua, tám nhà xung quanh phải họp nhau lại mà cày giống cấy gặt*

Một công việc cần kíp của một bộ tuyên-truyền trong nội-các Việt-nam...

# TA PHẢI CHỐNG LẠI LỐI TUYÊN TRUYỀN MAN TRÁ của bọn thực-dân!

VŨ-BỘI-LIÊU

## I

### Người Việt-nam dưới mắt một bọn nhà văn pháp

TRONG hồi Pháp thuộc, thỉnh thoảng có một nhà văn, hay một chính-khách có tiếng, từ « quốc-mẫu » sang thăm xứ Đông-dương. Và, sau khi đã đi qua các đô-thị lớn-ngồi trong chiếc xe hòm lộng-lẫy vùn-vụt chạy trên đường nhựa thẳng băng —; sau khi để dấu giầy ở một vài nơi thắng-cảnh, uống rượu cần và ngắm nhìn các cô gái Thổ « múa xoè » trên mạn ngược, hay xem các phụ nữ Cao-mên uốn éo tấm thân uyển-chuyển trong cảnh hoang tàn Đế-Thiên Đế Thích; sau khi đã mục-kích « công-trình vĩ đại » của người Pháp ở mấy nơi nghỉ mát thần tiên: Dalat, Chapa, Sầm-sơn, Tam-đảo, dự các cuộc khiêu-vũ, những bữa tiệc có đủ gái đẹp, rượu nồng dê béo, cùng những bài điển-văn tán tụng hùng hồn, thế là họ lại trở về nước mang theo đủ tài liệu để viết một thiên khảo cứu hay một tập hút ký, ca-tụng bằng ngòi bút chính sách thực dân tài-tình của nước Pháp » cùng « đời sống phong phú, thịnh-vượng, của xứ thuộc-địa đẹp nhất của nước Pháp, là xứ Đông-dương » (Theo nhời Maurice Percheron: tựa quyển « Contes et légendes d'Indochine »).

## I

### « Văn chương thuộc địa » một thứ văn chương vu cáo

Nếu chỉ có thế thôi thì cũng không hại gì cho lắm. Nhưng mấy nhà du-lịch « chớp nhoáng » ấy nhiều khi cao hứng lại hạ bút phê-bình về « tâm-lý dân bản xứ » — bọn người mà họ chỉ kịp thoáng thấy trong khi ngồi xe hơi tung bụi trên con đường thiên lý — tôi không cần nói, chắc các bạn cũng hiểu những nhời xét-đoán đó thiên-lệch và sai lầm đến thế nào. Và mình làm ra vẻ mình rất am hiểu tính-tình, phong tục dân bản-xứ, họ không lùi trước sự lừa dối, man-trá, bịa đặt ra nhiều điều thâm vô-lý và nực cười.

Một nhà văn nọ Louis Bonnat trong quyển « Journal de Tca » đặt cho ta những tâm rất dị kỳ: Ta no Ba, Họ ti Jeu, Ti sa, Nam, Zim zi zi. Trong tiểu thuyết của bà Myriam Harry (1), chị hàng quả rao: « Mao-o-o-ol! C ia-ti-ti-l!! », khách ngồi xe kêu: « mao! mao! », và phu xe trả lời: « Tao, ao! » Lại có cả mấy cô nữ-sinh gọi nhau, nghe như tiếng mèo kêu: « miao!! miao!! Tzie!! tzie!! » Trong mấy tác-phẩm khác, ta thấy *một lũ sư ông đang nhảy múa như điên cuồng trước tượng phật trong chùa* (« An so el des trop ques » của Pierre d'Epur), ta lại gặp một ông huyện — R nile Nolly bảo đó là chức một tổng cai tổng, còn Chivao Baron lại tôn lên làm một ông chủ tỉnh! — ông huyện đó chít khăn đỏ và đeo một cái bài ngà to bằng nắp chảo! P. Bonneain trong quyển « Opium » cho ta trông thấy một anh phu xe đeo ống « caleçon » (cái quần?) lên đầu lau mồ hôi trán, và Myriam Harry kể nhiều truyện rất dị kỳ: có một người vú già — mà tác giả mệnh danh là « Bassa » (?) — có lại « đánh đàn bằng tuyến cầm hằng ngón chân trái » lại có một con chó biết được tiếng tầu, hễ bắt đi xem hát, đến đoạn hay, thì cắn

(Xem tiếp trang 19)

1) Theo Seller: Cô mai.

## NGÀ TƯỢNG « BỐN BE »

*Ngày hai bốn mùa hè tháng sáu,*
*Hồi chín giờ hủy-dấu thực dân.*
*Tiếng vang khắp hết xa gần,*
*Số người chứng kiến dần dần tới đông*
*Dưới quyền vị đốc-công thành-phố*
*Chỉ bảo phu lục-lộ buộc giây,*
*Bốn bề sẵn có bốn cây*
*Buộc vào thân tượng năm giây kếch sù,*
*Dùng sà beng đám phu nậy bẩy,*
*Tượng từ từ đã thấy lật nghiêng*
*Chung quanh bạc sắt giữ giềng,*
*Tượng « Bốn Be » đã hồn thiêng chầu giời.*
*Trong khoảnh-khắc người người trông thấy;*
*Vẻ vui mừng ai nấy hò, reo!*
*Tượng đồng ngã xuống nằm quèo,*
*Chính-quyền áp-chế trôi theo còn gì?!!*
*Nghĩ nông nổi: từ khi dựng tượng,*
*Khoe những câu: đại-lượng văn-minh,*
*Nào là dân-kế dân-sinh,*
*Nào thiên-chức, với phúc-tinh hộ-trì*
*Nêu ra câu lưỡng kỳ Bảo-hộ,*
*Cho tiện bề nạt nộ ngu si,*
*Đang tâm cắt đất ba kỳ,*
*Cướp làm thuộc-địa phân chia lòng người,*
*Năm chín năm (1) tượng người dựng đó;*
*Đã bao lần sóng gió biết không?*
*Việt-Nam chứa sẵn một lòng,*
*Căm gan tim ruột vẫn hòng lật nghiêng,*
*Giận vì nỗi xích xiềng trói buộc;*
*Chính sách đâu thịt lược xương hầm*
*Lũ người sao nỡ cam tâm:*
*Nước sôi, lửa nóng khiêu-dâm, rượu, chè,*
*Phái tri-thức ép dè tù ngục;*
*Lũ dân đen tủi nhục cơ hàn,*
*Kể ra tội ác chứa chan!*
*Đồng cân bắc đã muôn vàn chịu vai,*
*Lại những nỗi reo tai giá họa,*
*Cam chịu bề đày đọa bấy lâu,*
*Nóng ran như lửa đốt dầu*
*Nằm gan nếm mật rễ hầu lâm thinh*
*Dân khí đã bất bình hơn đậu,*
*Mong có ngày rửa hận nào kinh,*
*Hỡi ôi! Cái đuốc văn-minh,*
*Giả danh mặt nạ dối mình bấy nay,*
*May gặp được hồi này cởi mở,*
*Đại A-Đông muôn thủa hùng cường.*
*Vẫy vùng trên Thái-Bình-Dương,*
*Da vàng máu đỏ lên đường văn minh.*
*Việt-Nam Đế-Quốc thăng bình,*
*Chúc câu quốc-kế dân-sinh kiện cường.*

*Biệt lam* TRẦN-BUY-ÁI

(1) *Tượng dựng năm 1886*

***

## HÌNH ẢNH

*Giờ này trăng chửa qua rèm lụa.*
*Nửa nấp hoa quỳnh, nửa nấp mây,*
*Tôi đứng bâng-khuâng bên ngưỡng cửa.*
*Mắt buồn thăm-thẳm rõi ngàn cây,*
*Tưởng người thức trắng đêm dài viết.*
*Ánh nến buông xanh bóng vỗ gầy!*
*Đời muộn tìm ai trao tri lớn?*
*Về thôi, vườn ruộng ngát hương say!*

(Không bài một đêm trăng)

NGÂN-GIANG

# Hạnh Thục Ca

## của NGUYỄN - THỊ - BÍCH

Số 6

*Ưng-hoè* NGUYỄN-VAN-TỐ

*Tự-quân (1) lên rước phản hồi, (2)*
*Tịch-điền (3) hãy dọn tạm ngồi một khi.*
*Túc-thanh (4) cung điện hộ về,*
*Mệnh quan quyên cát (5) kíp kỳ đăng-quang (6).*

*Trong ngoài đều dạ hân-hoan,*
*Gẫm xem thiên đạo tuần-hoàn rất mau.*
*Bây giờ đặng toại sở cầu,*
*Mặc-phò (7) nhờ có trên đầu khiến xui.*
*Tháng mười năm ấy qui-mùi,*
*Mồng ba hiệp-cát (8), lên ngôi cầm quyền,*
*Hiệu xưng Kiến phước kỷ-nguyên,*
*Trong ngoài yên-định, dưới trên thuận-tùy.*
*Giúp trong nhờ có mẫu-nghi (9),*
*Ngoài thì thứ-chức (10) cơ nghi giữ-gìn.*
*Ý-thân (11) lại lựa đứng hiền,*
*Gia-hưng (12) phụ-chính chỉ truyền kính vâng.*

*Nhưng cùng Pháp-quốc giao lân,*
*Cũng cho triều yết, cũng thân ước điều.*
*Âu lo việc nước hãy nhiều,*
*Ninh-lăng đại-lễ phải điều trước toan.*
*Đến tuần tháng chạp công-thoan,*

---

1) Tự-quân là vua nối, vua kế-vị.

2) Phản hồi là trở về.

3) Tịch là giày-xéo lên; tịch-điền là thứ ruộng vua giày-xéo lên để cày, một là để lấy gạo cúng tế, hai là để khuyến nhân dân.

4) Túc-thanh là lên cung điện.

5) quyên cát là chọn ngày tốt.

6) Đăng-quang là lên ngôi vua (ngôi sáng), cũng như đăng cực.

7) Mặc là lặng lẽ, phò là giúp. Mặc-phò là giúp một cách không ai biết.

8) Hiệp cát là hợp ngày tốt.

9) Mẫu là mẹ, nghi là phép. Mẫu nghi là đem phép tắc làm mẹ thiên hạ.

10) Thứ chức là mọi chức, tức là các quan.

11) Ý nghĩa đen là tốt, thân là thân thích; ý thân là rất thân.

12) Gia-hưng quận-vương tên là Hường Hưu, lại có tên là Hường-Thuyên, là con thứ tám Vua Thiệu-trị, sinh năm 1835, mất năm 1885. Năm 1884 Vua Kiến-phúc lên ngôi, các vị hoàng thân và phủ tôn-nhơn tâu rằng: « Hiện nay trong nước nhiều việc gian-nan quan-trọng, tự-quân còn nhỏ tuổi, nên có vị thân thần nào là người trọng hậu lão luyện để giúp đỡ ». Vua cho quận-vương sung chức phủ-chính thân-thần, vẫn kiêm chức hữu-tôn-nhơn ở phủ Tôn-nhơn. Đến năm 1885 Vua Hàm-nghi nối ngôi, Trấn-tĩnh quận-công Miên-Chi tâu rằng: « Gia hưng quận-vương nhân việc tư bỏ việc công, làm tiết lộ quân-quốc trọng-sự, gia chi ái chế: buông the không cẩn thận ». Giao phủ Tôn-nhân và Chính-phủ tra xét nghĩ án. Bọn Nguyễn văn Tường và Tôn-thất-Thuyết nói rằng: « Gia-hưng quận-vương đã nhiều lần đi lại với khâm-sứ Pháp là Lê-na (Rheinart), tất là có thông tỏ các tình tiết . . . », triều-thần cho rằng: « Như lời của bọn Tường, Thuyết, thì lời tâu của Trấn-Tĩnh công là thực », kết thành án bỏ ngục cách hết chức tước, rồi an-trí ở đồn Lao-bảo thuộc trấn Quảng-trị, các con thì giáng làm tôn-thất, và cũng an trí mỗi con một nơi. Quận-vương liền mất ở Lao-bảo. Cùng năm ấy vào khoảng tháng năm, Vua Hàm-nghi chạy, Thọ-Xuân vương (con thứ ba vua Minh-mạng) nhiếp chính, phụng ý-chỉ ba cung cho tha tội, đem quan tài về táng ở kinh, đến mùa thu năm ấy gia ơn khai phục tước công và cho các công-tử lại được về nguyên tịch. Đến năm 1889 được khai phục làm quận-vương, thụy là Cung-túc đựng đền ở phường thứ năm huyện Hương-trà. Hường Hưu có 11 con trai và 15 con gái (Đại-nam chính-biên liệt-truyện, nhị-tập, q. 8, tờ 10 và tờ Ordand, Les tombeaux des Nguyễn).

*Mồng hai hiệp-cát nghênh sang bửu-thành. (13)*
*Vừa rồi việc lớn lễ thành,*
*Pháp-lan lại tới hưng-hành sách-yêu (14).*
*Mấy nơi hiểm-yếu đất nhiều,*
*Dị nhường đó ở, chẳng theo ắt ngày. (15)*
*Bình-đài (16) chiếm trước về tay,*
*Kinh-thành hai mặt đất nay cũng nhường.*
*Mưu sâu, cứ-hiểm tự-cường,*
*Khiến ta làm biến, khôn đường giữ ngăn.*
*Sợ oai dám nói phải chăng,*
*Ôm lòng vuốt dạ ăn-năn thêm sầu!*
*Lại hiềm tùng-phục với Tàu (17)*
*Vua Tàu phong ấn, truyền mau nộp rày.*
*Lửa gần, rất ngán nỗi Tây!*
*Nước xà, để đợi Tàu hay, còn gì,*
*Phải đem ấn nọ nộp đi,*
*Tây liền tiêu-hủy, chẳng vì chẳng phân!*
*Quan ta ai dám nói năng,*
*Mắt nhìn, miệng cũng ngập-ngừng chân lui!...*
*Nỗi tây lấn-hiếp đã rồi,*
*Nỗi mình lấn-hiếp, nghĩ thôi rất kỳ!*
*Chẳng qua tới buổi suy-vi, (18)*
*Hoàng-thân quốc-thích (19) gian-nguy khốn-cùng.*
*Ở đời chẳng giữ đạo trung, (20)*
*Xu-viêm phụ-nhiệt (21) những mong sang quyền.*
*Gặp khi đến lúc ngả-nghiêng,*
*Người nghèo ắt cũng lụy-liên (22) tới mình.*
*Lãng-công (23) xảy gặp bất bình,*
*Quốc-công Tuy-lý (24) thất kinh lo lường.*
*Sợ rằng bè đảng tội mang,*
*Tới cầu Pháp-quốc giải-nàn họa may.*
*Nào hay tây chẳng nộp rày,*
*Phải về chịu phép thoát nay không đường.*
*Một nhà thầy bị đàm phòng (phường),*
*Ông Phong ông Hải (25) cũng mang tai nàn.*
*Hường-Phì Hường-giáp hai chàng, (26)*
*Đều tra thuốc độc, chẳng khoan nỡ lòng!*
*Ngạnh-cường chẳng chịu phục tòng,*
*Kỳ-anh-công cũng theo vòng chết oan,*
*Thương thay! tá ngọc cành vàng,*
*Vì sao nên nỗi lạt giường khô thay*
*Bảo-thần hẳn có trước hay,*
*Thì chi đến nỗi họa lây lửa thành! (27)*
*Sợ lo ai nấy giữ mình, (28)*
*Ai làm ngay khổ oan-tình mặc ai!*
*Kêu rêu nào dễ thấu trời,*
*Đã đành chậu úp khôn xoi chốn mờ.*
*Vua thì còn hãy ấu thơ,*
*Mặc lòng sinh-sát bắt tha oai-quyền!*
*Tiếm dùng nghi-vệ chẳng kiêng!*
*Lang-lăng ngấp nghé ý riêng đã bày,*
*Binh quyền trao kẻ chân tay,*
*Mộ quân phần nghĩa để vay hộ mình.*
*Hường-chuyên với lại Hường-thành,*
*Vốn cùng mưu mật nỡ đành giết oan!*
*Trút hờn chẳng chịu nhiều khoan,*
*Đãi người luống những bạo tàn nghi sai.*
*Pháp tiền dân chẳng vâng lời, (29)*
*Phố phường chợ búa bời bời dậy la.*
*Oai hành cấm trấp hỏi tra, (30)*
*Song dân chẳng phục, dức la thêm ồn,*
*Phải dùng ý chỉ cam ngôn, (31)*
*Khâm tuân phủ dụ biết tôn biết nghi.*
*Gẫm xem việc nước suy vi,*
*Cũng vì hối hóa (32) tiền kia thông đồng.*
*Làm tôi chẳng giữ sạch trong,*
*Phi gia ích kỷ (33) sửa lòng làm sao?*
*Vả rằng nhà nước tốn hao,*
*Chung nay tế-tự thế nào cũng nên.*
*Thọ-xuân-vương (34) cũng hào khen,*
*Bên bày tâm-lệ ở ăm quyền quá chừng.*
*Thánh xưa lời để dạy răn,*
*Mất dê mất lẽ, ấy rằng sao nên*
*Đều là chính-lệnh quai khiến,*
*Đứa ngu dại tội, người hiền lánh thân.*
*Đành lòng trông đợi ấu-quân (35)*
*Lớn khôn sửa trị họa chăng sau này...*

Sau khi bỏ qua Hiệp-hòa ngày tháng 10 năm quí mù (tức tháng 11 năm 1883), bọn Tương Thuyết lên rước tự - quân (tức Kiến - phúc) trở về, đọn ở Tịch - điền để ngồi tạm một khi, có quân lính ở cung đình Túc-thanh ra hộ vệ, rồi sai quan chọn ngày tốt để định ngày đăng quang! Trong ngoài đều một lòng vui vẻ: gẫm xem đạo trời vẫn chuyển thật là mau chóng. Bấy giờ ai ai cũng thỏa lòng

(Xem tiếp trang 12)

# NỀN HỌC MỚI VIỆT-NAM

HOÀNG KIM LUNG

NƯỚC Việt-Nam đang đi vào một đường mới, tự mình phải định lấy vận mệnh ; người Việt-nam còn phải, hãy nói trong vòng lý tưởng đã, tranh đấu rất nhiều. Tranh đấu với các trở lực là di-sản của 60 năm dô hộ ác-hại, có cái trở lực do các tình trạng thuộc chính trị, kinh tế, kết quả của sự cai trị vụ lợi và giả dối của bọn thực dân Pháp ; có cái trở lực thuộc tâm lý đó là cái mã lực truyền bệnh còn ám ảnh một số người Việt chưa giải phóng được tâm hồn, chưa bẩn tin ở tương lai giống nòi. Người Việt phải nỗ lực tranh đấu, dù rằng thiểu thốn rất nhiều, phải cố mau mau làm củng-tụ cái hồn tự-chủ mới hồi tỉnh, và trong một thời kỳ rất ngắn làm cho xứ-sở chiếm được một địa vị sứng với lịch sử Việt-nam, với hoàn cảnh thiên nhiên, trên trường cộng sự chúng quốc không đến mỗi kém hèn.

Các chế độ của Tân Chính phủ Việt-nam về mọi phương diện luật pháp, hành chính, kinh tế, tài chính, giáo dục, sẽ noi theo chủ ý đó, quốc dân ta không còn ngờ gì nữa.

Song có chế độ còn đang thời kỳ nghiên cứu, hình thức chưa bất định, ở trong còn nhiều ẩn đề phức tạp chưa giải quyết xong. Như nền học mới của nước Việt-nam độc lập, định hướng như đã phát hình họa hóng, mà các phương pháp thực hành các phương tiện hành-động, sự tổ chức cho có quy mô bề thế, chưa qua vòng thảo luận.

Vì vậy tôi có một vài ý kiến bàn góp về việc học Việt-nam ; những ý kiến này chỉ là nêu những cảm tưởng đầu tiên của một người dân nước Việt có đôi chút quan niệm về sự kiến thiết quốc gia.

### Nền giáo-dục Việt-nam. — Mục-đích

Nền học Việt-nam chia làm ba đẳng hạng : giáo dục phổ thông tức là ngạch tiểu học ; — giáo dục hạn định tức là ngạch trung học, giáo dục chuyên khoa tức là ngạch đại-học. — Lại có nền giáo-dục chuyên nghệ, cốt dạy công nghệ.

Kẻ thiếu niên Việt-nam đi học phải rõ mục đích của mình, phải nhận chân bổn phận theo một lý tưởng rõ rệt. Cái mục-đích ấy phải luôn luôn theo đuổi, cái giáo lý kẻ thanh niên nước Việt-nam phải thuận thụ, làm chủ cho những xu hướng, hành vi chính đáng trong khuôn khổ quốc gia cái mục đích đó chung cho toàn thể học sinh Việt-nam, nhưng theo mỗi đẳng hạng lại có tính cách riêng. — Người học sinh Việt-nam, bất luận trai gái, phải tin tưởng ở sự trường tồn và sự thịnh vượng không cùng của nước Hoàng-Việt mà hằng mong đem cân chất não nhất mà làm việc, hoặc theo cái thiên tư đặc biệt của cá-nhân hoặc trong phạm-vi công cộng của xã hội để mưu cho sự trường tồn và sự thịnh vượng càng cao càng hơn của nước nhà, lại coi sự làm trọn nhiệm-vụ ấy là một hạnh phúc quý nhất ở đời — đó là mục đích căn bản và tối cao, phàm đã là người Việt-nam được cắp sách đi học là phải noi theo — (nhưng người Việt nào rồi chẳng biết đọc biết viết chữ nước nhà). — Tối cao, vì phụng sự lý tưởng đó là công nhận thừa hưởng cái gia tài chung, kết quả của mọi công cuộc cải thiện dân sinh, khai hóa dân trí bành trướng quốc thế, do các lớp người Việt-nam đã kế tiếp nhau mà lực hành, trải qua các triều đại đế vương là những vị mục-dân chiu thiện mệnh đã, tới đây tính quá 4000 năm, dìu dắt quần chúng Bách-việt theo một chí hướng nhất định, cái chí hướng đó, cứ trông lên bản-đồ quốc thổ thì thấy hiện ra ở sông kia núi nọ ; — lại công nhận cái gánh nợ ta nợ tiền nhân mà quyết tâm, quyết lực trả nợ để không những giữ được, mà lại làm giầu cái gia tài tổ quốc, làm mạnh cái chí tiến-triển của quốc dân, thời này là thời mạnh được yếu liệt, trường quốc tế là chỗ rất náo nhiệt trăm giống chen vai thích cánh cái chí ấy càng ngày càng phải mạnh thêm lên mà nòi Việt chúng ta sẽ không thua thời thế. — Căn bản, vì mục đích đó biểu lộ được cái đệ nhất sở trường của người nước Việt : trọng sự cần lao. Cần lao, một nguyên động lực đã giúp ta đánh lấy một đường sinh-lộ vẻ vang trong cuộc sống còn gay go, nhờ đó mà dân ta nhẫn nại chống với thiên tai, nhờ đó mà ta hòa bình khai thác đất đai miền nam bộ Đông A, nhờ đó ta có thể hòa bình chung sống — có khi đồng hóa với các chủng tộc ở gần ta. Không công nhận cái Việt-tính ấy, là muốn ngụy biện. Thử xét trong các dân tộc ở miền Nam Hải, có dân tộc nào, đàn ông cho chí đàn bà, chuộng sự cần lao hơn dân tộc ta ?

Mục đích riêng thì tùy theo cấp học, cấp nào có đặc trưng của cấp ấy, như nền học phổ thông thì phải dựa theo một phương châm giản dị, thiết thực ; nền học trung đẳng có một quan niệm lý-tưởng về quốc-gia, cốt thu thập lấy cái phồn tinh hoa của nòi giống đã vì cái trào lưu xu thời vô độ và tòng ngoại mà quáng mà gần tản nát hết ; — thu thập và bồi dưỡng thêm cho hợp với trình độ, với thanh danh của một nước mới phục hồi nền độc lập mà muốn hết sức tân tạo. Còn nền cao học Việt nam, thì chủ kích thích kẻ anh tài sáng tác cho nước nhà một nền văn hóa riêng, cái quốc thế sau này một phần lớn trông cậy ở bọn đó.

Nói một cách rõ rệt hơn thì ở trường sơ đẳng học sinh Việt-nam có cái nhiệm vụ mở mang các năng lực về tinh thần và thể chất, để đủ làm một người dân lương hảo và hữu dụng ; cái nhiệm vụ ấy thành tựu được là nhờ sự áp dụng hoàn toàn chữ quốc ngữ vào chương trình học. — Qua bậc tiểu học, thiếu niên lên đến trung học, trong sự mà luyện bọc văn, phải dần dà biết yêu-quý cái cố hữu của giống nòi mà không quên thâu thái các yếu tố của văn minh thế giới hiện đại là những thứ cần cho cuộc tân sinh hoạt, mẫn là những yếu tố ấy, ý nghĩa không trái với quan niệm quốc gia. — Một nước độc lập xứng đáng với danh từ độc lập có rất nhiều tham vọng, mà cao nhã nhất là cái tham vọng mở mang công cuộc văn hóa theo cái đặc sắc của chủng-loại, gây cho tiếng nói chữ viết của mình một cái phạm vi vượt ra ngoài địa giới chính trị, mà chung cục góp phần vào việc tạo tác nền văn minh của toàn thể nhân loại. Cái tham-vọng đó, đạt được hay không, một nước Việt nam mới có được văn vẻ và phú cường như chúng ta đương mong ước không, bọn thượng lưu trí thức được hấp thụ nền đại học sắp thành lập sẽ trả lời, mà tương lai sẽ trả lời

### Sự tổ chức các trường học Việt nam

*Trường tiểu học.* — Có hai thứ tiểu học : a) Trường tiểu học yếu lược, nay nên gọi là Ấu việt học hiệu, dạy ba lớp đồng ấu, dự-bị sơ đẳng ; Trẻ con 6 tuổi được vào lớp Đồng ấu. Sự bỏ bằng sơ đẳng yếu lược, đã thi hành năm nay ở một vài nơi, xem ra dân quê không hoan nghênh. Vì vậy e rằng số học trò vào các trường Ấu Việt sẽ ít đi. Ta nên nhớ rằng từ trước đến nay, trong vòng mười năm, học trò vào lớp nhì dưới, không bắt buộc phải có bằng đó, thế mà số thí sinh thi S. H. Y. L. vẫn nhiều. Đủ biết ở thôn quê, vẫn sở trường về việc thi cử, — cái sở trường ấy, về một phương diện, là một sở đoản chăng ? — nay việc học cải tổ theo một tinh thần mới thì bỏ bằng ấy đi xem ra hợp thời, nhưng nếu đổi mà xửa đổi thì chưa chắc trái với tinh thần mới, trái với dân nguyện.

*b)* trường tiểu học kiêm bị, gọi là Tiểu việt học hiệu, hạn học 5 năm 3 năm « Ấu việt » và 2 năm bổ túc. Học trò vào cấp bổ túc phải đủ 8 tuổi. Văn bằng tốt nghiệp « Tiểu việt » tương đương với văn bằng sơ học bổ túc ngày nay.

Nền tiểu học phải hết sức phổ thông trong dân gian. Nhưng xét hiện tình, chỉ có thể « bắt buộc » trẻ con phải theo học hết cấp ấu việt mà thôi.

*Trường trung học.* — Gọi là Trung việt học hiệu, đặt tại các nơi đô thị ớn, hoặc những tỉnh lỵ thượng du xa Hà-nội. Chia làm 2 bậc : trường Trung việt đệ nhất cấp, hạn học ba năm, trình độ ngang với trường C. Đ T. hiện tại. (Trung việt đệ nhất học hiệu có thể kêu là Thiếu học hiệu).

Trường Trung việt kiêm bị, hạn học 5 năm, bằng tốt nghiệp tương đương với bằng Tú tài bây giờ

*(Xem tiếp trang 14)*

## HẠNH THỤC CA

(Tiếp theo trang 9)

nước, đặng phò-trì một cách tự-nhiên như thế, là nhờ có hóa-công ở trên đầu xui khiến ra như vậy. Tháng mười năm ấy là năm qui-vị, theo dương-lịch là năm 1883, ngày mồng ba là ngày hiệp-cát, tự-quân lên ngôi hoàng-đế để cầm quyền-chính trong nước, đặt niên-hiệu là Kiến-phúc, thần dân trong ngoài đều yên ổn, từ trên xuống dưới đều thuận theo. Ở trong nhờ có mẫu-nghi (tức là nghi-thiên-chương-hoàng-hậu, mẹ vua Tự đức và Lệ-thiên-anh-hoàng-hậu vợ vua Tự đức) giúp đỡ chính-sự (vì vua Kiến-phúc lúc bây giờ mới 15 tuổi), ở ngoài thì các quan phải tuỳ cơ mà làm việc cho được tiện-nghi và phải giữ gìn. Lại chọn vị hiền-thần trong bậc ý-thân, nên có chỉ truyền Gia-hưng quận-vương là Hường-Hưu được phụ-chính. Nhưng phải giao-tiếp với nước Pháp, cũng cho họ được triều yết và cũng nhận những điều khoản trong hóa-ước là phải nhận nước Pháp làm bảo hộ. Trong nước lúc bấy giờ hãy còn nhiều việc phải lo toan, thì việc ninh-lăng (tức đám ma vua Tự đức) là đại-lễ phải tính mà làm trước. Đến tháng chạp năm ấy công việc cử-hành đã sửa soạn xong, ngày mồng hai là ngày hiệp cát rước tử-cung lên lăng. Việc lớn (là lễ ninh-lăng) vừa cử hành xong, nước Pháp lại tới hung-hăng, nào là cầu việc nọ, rồi lại đòi việc kia. Có mấy nơi hiểm yếu đất nhiều, thì họ bắt cho hoặc nhường để họ ở, nếu không theo thì tất ngầy-ngà. Trấn Bình-đài thì chiếm về tay trước, và mấy chỗ lấy hai bên kinh thành cũng phải nhường cả. Họ có mưu sâu giữ chỗ hiểm để tự cường, khiến cho ta đến lúc biến cũng không có đường nào để chống giữ và ngăn-ngừa. Kẻ triều thần ai cũng sợ oai, chẳng dám nói phải chăng, chỉ tròm lòng vuốt dạ chứ nói lại thì [illegible] đau! Lại hiểm một nỗi rằng nước ta đang phục nước Tàu, cái ấn của vua Tàu phong cho, Pháp bắt nộp ngay. Rất ngán cho nước Tây [illegible]ần và nóng như lửa, mà nước Tàu thì ở xa, [illegible] cho Tàu biết thì còn gì nữa; cho nên phải [illegible]ấy nộp ngay cho Tây. Tây liền đem tiêu hủy [illegible] phân trái phải, chẳng vì nể ai! Các quan ta [illegible]ai dám nói-năng, trông thấy khó chịu, miệng [illegible]ốn nói nhưng lại sợ, nên phải lánh đi!...

Về nỗi người Tây lấn hiếp đã đành, đến nỗi người mình lại lấn hiếp nhau, mới thật lạ! Chẳng qua vận nước đến lúc suy, cho nên hoàng-thân quốc-thích đều phải gian nguy khốn cùng. Ở đời nếu chẳng giữ đạo trung-dung cứ su-phụ vào chỗ quyền-thế để mong sang giàu, lỡ gặp khi quyền-thế ngả-nghiêng, người ta bị nguy-hiểm tất cũng liên lụy tới mình. Văn-lãng-công (Hiệp-hòa) xảy gặp chuyện bất bình, thì quốc-công Tuy-lý cũng giật mình mà phải lo toan, sợ rằng họ vu cho tội bè đảng, mới sang cầu với nước Pháp để họa may thoát nạn. Ngờ đâu nước Pháp không chịu nhận, nên quốc-công phải về mà chịu tội, chứ cũng chẳng thoát đi đường nào được! Một nhà Tuy-lý-công đều bị bắt giam, cả đến ông Phong ông Hải cũng bị tai nạn, và hai chàng là Hường-Phi Hường-Giáp cũng bị tra, rồi uống thuốc độc chết, chớ chẳng khoan dung chút nào! Cũng có cường lại không chịu theo, như Kỳ-anh-công, cũng bị chết oan. Thương ôi! lá ngọc cành vàng (là những người họ gần của nhà vua), vì đâu nên nỗi bị khổ về lạt giường (trói buộc, giam cầm)? Nếu có mưu-chước giữ mình, thì làm chi đến nỗi cháy thành vạ lây! Lúc bấy giờ ai cũng sợ hãi, ai cũng lo toan, chỉ cốt giữ mình, còn ai bị nguy-biến khổ-sở, ai bị oan ức, thì mặc kệ! Thật là kêu rên nào thấu đến trời! Đã đành rằng như bị úp ở trong chậu, thì dẫu bóng mặt trời mặt trăng cũng không soi tới chốn mờ ám. Vua Kiến-phúc thì hãy còn thơ ngây, mặc cho bọn quyền-thần ra oai, muốn tha ai sống thì được sống, muốn bắt ai chết thì phải chết! Lại lạm dùng nghi-vệ, không kiêng nể gì lung lăng ngấp-nghé đã lộ bầy ý riêng. Binh-quyền thì trao kẻ tay chân, lại mộ một đội quân gọi là phấn-nghĩa để hộ vệ lấy mình. Có hai người là Hường-Chuyên và Hường Thành, cũng mật mưu để giết quyền-thần, sau bị chết oan! Định trút cái hờn (tức là rửa giận) nên chẳng chịu dung thứ một điều gì, đã người thì rặt những tàn-bạo, ghen-ghét và nghi-ngờ (đoạn này nói quyền-thần). Lúc bấy giờ tiền của nước Pháp, dân không chịu tiêu, nào là phố phường, chợ búa, chỉ thấy từng bầy từng lũ dậy lên kêu la. Ra oai, nào cấm, nào bắt, nào hỏi, nào tra, nhưng mà dân vẫn không phục lại hóa ồn thêm. Sau phải dùng đến ý chỉ

của lưỡng cung (tức là bà và mẹ vua Kiến phúc) nói ngon dỗ ngọt : hễ dân kính theo lời phủ dụ ấy là dân biết tôn kính vua, biết nhân nghĩa. Cứ như thế, mà gẫm xem có phải là việc nước bị suy kém đi, cũng vì tiền tệ mà ra. Làm bề tôi mà chẳng giữ được trong sạch, nếu chỉ cốt phì gia ích kỷ thì trong lòng sao đang ? Vả lại đương khi nhà nước bị hao tổn, thì việc tế-tự thế nào cũng xong. Khen thay cho Thọ-Xuân-vương, (con thứ ba vua Minh-mạng) bày ra lệ mới giảm bớt quá chừng. Lời các Bậc thánh hiền đời xưa đã dạy, để mất dê tức là bỏ mất lễ, chứ có phải vì miếng thịt dê đâu ! Các chính-lệnh ấy đều là trái ngược lầm lỗi, cho nên đứa ngu chịu tội, người hiền lánh thân. Đành lòng chờ đợi ấu-quân, đến kẻ lớn khôn thì cầm quyền sửa trị lấy, họa may cho sau này...

(*Còn nữa*)

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

*13) Bửa thành là thành bản, tức là lăng.*

*14) Sách yếu là đòi cho được.*

*15) Ngày là phiền-nhiễu, quấy rầy.*

*16) Bình-đài là Trấn-bình-đài.*

*17) Nước Tau lớn, mà lại ở kề nách, cho nên ta vẫn phải chịu kém ; lắm khi đã đánh được họ rồi, mà vẫn phải chịu họ phong cho ! Đến triều Nguyễn cũng thế, ngay từ đời Gia long cũng nhận sắc và ấn của nhà Thanh. Năm 1884, sau khi ký từ « bảo hộ » sứ thần Pháp tên là Jules Patenôtre (Souvenirs d'un diplomate) bắt đem cái ấn ấy ra phá hủy.*

*18) Suy-vi là suy kém, yếu đuối.*

*19) Quốc thích là hậu-phi, họ ngoại nhà vua.*

*20) Đạo trung đây là đạo trung-dung, chứ không phải trung nghĩa.*

*21) Xu viêm là chạy đến chỗ nóng, phụ nhiệt là phụ theo chỗ nóng ; cả bốn chữ nghĩa là xu phụ quyền-thế, thấy người đắc-thế thì mà theo.*

*22) Lạng-liên tức liên-lạng, là đinh đáng tội-vạ.*

*24) Quốc-công Tuy-lý là Tuy-lý vương Miên-Trinh, con thứ mười một Vua Minh-mạng, sinh năm 1820, mất năm 1897. Người thông minh từ lúc nhỏ ; năm bảy tuổi bắt đầu đi học, thầy dạy sách « Hiếu-kinh, đọc qua một lượt thuộc ngay thầy lấy làm kinh dị. Bắt đầu phong Tuy-quốc-công (được phong từ năm 1839) đến năm 1878 tấn phong Tuy-lý quận vương. Năm 1882 sung chức Tả-tôn-chánh phủ Tôn-nhơn. Năm 1883 phụng di chiếu của Vua Tự-đức có câu : « Vương và Thọ-xuân-vương (Miên-Định là con thứ ba Vua Minh mạng) đều là bậc tuổi cao đức trọng : phàm thấy nhà nước có việc gì không phải, nên nói hết mà đính chính cho ». Khi vua Hiệp-hòa lên ngôi, Miên Trinh được tấn phong vương tước. Vua Hiệp-hòa cho là bậc học thức, có lòng ưu-ái trung thành nên hễ có hội thương hay hội giảng việc gì, thường sai đi cùng với đình thần. Nhưng rồi sau bọn quyền thần là Tường, Thuyết thiên tiện phế lập, Vương không tự yên, lên đến đồn Thuận an cùng ở với Picard Destelan : người Pháp lại trả ngài về cho bọn Tường, Thuyết ; bọn Tường Thuyết lấy cớ ấy bắt tội, giáng làm huyện công, giam ở trại lính Thừa phủ, rồi an trí vào Quảng ngãi, con cháu thì an trí vào Bình định, Quảng ngãi, Phú yên, mỗi người một nơi. Con là Hường Tu, Hường Sâm cũng việc ấy mà bị hại. Hường Sâm là người cương trực, lúc ấy sung chức tham biện các vụ, mỗi khi bàn việc nước phần nhiều không hợp ý kiến nhà cầm quyền, vì thế bọn Tường, Thuyết đã bỏ vua Hiệp-hòa rồi liền vu cho Hường Sâm có tội, truất làm thứ nhân, giam ở ngục, rồi giết bằng lối cho thuốc độc, năm ấy Hường Sâm 44 tuổi. Đến năm 1885, ở Kinh có việc bọn Lê trung Đình ở Quảng ngãi chiêm cứ tỉnh thành lập Tuy lý vương làm Phụ chính vương, ngài cố từ chối không chịu lậy (nhận). Đến năm Vua Đồng-khánh lên ngôi (1886) tha về, khai phục tước công ; con cháu đều được khai phục nguyên tịch và về ở Kinh : Hường Tu và Hường Sâm cùng truy phục hàm tước cũ. Ngài từ Quảng ngãi về chầu, được Vua Đồng khánh khen và giao cho phê bình tập thơ « Ngự chế » và « đình thần phụng họa ». Đến năm 1888 gặp tang vua Đồng khánh, ngài đóng cửa không giao tiếp, một mình đau thương. Năm 1889, Vua Thành thái lên ngôi xuống chiếu cử bề tôi phụ chính. Ngài [illegible] lớn, được sung Đệ nhất phụ chính thần thần kiêm lại ôn chánh và khai phục tước quận vương. Phàm có triều hạ và có bạn hạ, đều được dùng lễ [illegible] (vái) chứ không phải lạy. Năm 1894 được tấn phong tước vương, tức ấy ngài 77 tuổi, lại sinh hai [illegible] lớn chái), thật là ngũ đại đồng đường, tiệc mừng vui vẻ, người đều trọng kính là việc hay. Năm 18[illegible] vì già quá xin từ chức, được Vua y cho, về ở nhà không được bao lâu thì mất, thọ 79 tuổi. Vua Thành thái rất thương, cấp cho 1000 bạc, để sửa việc tang cho tên thụy là Đoan cung sai quan đến tế, lại thêm 2000 bạc lập từ đường, trích bốn mươi mẫu công điền của làng Mậu tài làm tư điền, giai con gái 77 người, phần nhiều làm quan, có cả đỗ cử nhân (Ưng Phong) và đỗ tú tài (Ưng Tô (Đại-Nam liệt truyện nhị tập, q. 6, tờ 2 a đến 7 b.*

25) *Hải quốc công Miên Tăng (1828—1896) là con thứ bốn mươi hai Vua Minh-mạng. Năm 1846 được phong Hải-ninh quận công. Năm 1883, Vua Hiệp-hòa nối ngôi, quốc công được vua thân tín, đến khi vua bị truất, quốc công sợ vạ lây, đem cả gia quyến xuống cửa Thuận dựa vào người Pháp, đến khi người Pháp trả lại, bị tội giáng làm Ký ngoại hầu, an trí ở Bình định, năm 1885 được cho về và phục tước quận công, đến năm 1896 tấn phong Hải quốc công, năm ấy mất, thọ 69 tuổi (Đại-Nam liệt truyện nhị tập, q. 7, tờ 4 b).*

26) *Hương Phì là con thứ hai của Tùng-thiện quận vương Miên Thẩm, tập tước huyện công, làm quan đến Lại-bộ tả tham tri; năm 1883 bị bọn quyền thần hãm hại. Đến năm 1889 khai phục tham tri.*

27) *« Họa lây lửa thành » do câu « Thành chung thất hỏa, họa cập trì ngư » nghĩa là « Trong thành bị cháy, tai vạ lây đến ao cá », ý nói vô cớ mà bị tội lây.*

28) *Câu : « Sợ lo ai nấy giữ mình, ai lâm nguy khổ oan tình mặc ai », bản nôm của Bác-cổ phê câu chữ nho rằng : « Nhân tình thế cố, tị tị giai thế » nghĩa là « Nhân tình thế thái, đều đều như thế »*

29) *Pháp tiền là tiền của nước Pháp.*

30) *Cấm trấp là cấm bắt. Câu ấy bản nôm phê năm chữ « Mạc cường ư nhân tâm » nghĩa là « chẳng gì mạnh hơn lòng người ».*

31) *Ý-chỉ là lời của mẹ Vua hoặc vợ vua. Cam ngôn là nói ngọt. Câu ấy bản chữ nôm phê bốn chữ « Hà bất ĩ cai ? » nghĩa là « Sao không đáng oai ? ».*

32) *Hối hóa là của cải, tức tiền bạc.*

33) *Phì là béo gia là nhà, ích kỷ phì riêng cho mình ; cả bốn chữ ích kỷ thân mình được sung túc no béo. Tục ngữ có câu : thân phì gia ».*

*Thọ xuân-vương Miên Định (1886) là con thứ ba vua Minh-mạng. Ấu quân là vua nhỏ, tức là vua Kiến phúc năm ấy mới mười lăm tuổi.*

## Nền học mới. . .

*(Tiếp theo trang 11)*

— Vào sơ tập trường Trung việt ít ra cũng phải 11 tuổi, tới 16 tuổi có thể thi bằng tốt nghiệp,

*Trường Đại Học.* — Nhất danh là Đại-Việt học biệu dạy các môn văn chương, khoa học, mỹ thuật bậc cao đẳng, sẽ mở ở các kinh thành Hà-nội, Thuận-hóa, Gia-định. — Hạn học từ 3 năm đến 5 năm tùy theo môn học. — Thuộc ngạch Đại Học có những viện khảo cứu (tâm-lý thực nghiệm, bách ngữ học...), những giảng đường do tư nhân sáng lập được chính phủ công nhận.

Ngoài ra có những trường chuyên nghệ (cơ khí thực hành, thổ mộc tập nghệ, vận tải công nghệ...) và chuyên nghiệp (sự phạm sĩ quan, y tá...)

### Chương - trình

Đây tôi chỉ xin phác qua chương trình nền tiểu - việt và nền thiếu việt, xét những điều đại cương, nhất là chú ý đến quan điểm, cần phải sửa đổi cho thích hợp với thời mới, cho ăn ý với mục đích đã nêu ở trên.

Chương trình bậc học tiểu-việt. — Phải công nhận bốn hình thức của một nền giáo dục bình dân, vừa thiết thực, vừa hoàn bị.

Thể dục — đức dục — trí dục — thủ công và canh nông thực hành.

Khoa thủ công gồm cả khoa dạy vẽ và dạy viết tập. — Khoa thể dục kiêm cả sự dạy hát, cốt để gây lấy sự vui vẻ trong hoạt-động; sự hăng hái ganh đua.

*Đức dục.* — Nói về tu thân, về bổn phận đối với gia đình, cố nhiên là dạy cho trẻ trở nên một người con tốt, biết yêu quý gia đình, nhưng cũng nên dạy cho trẻ bỏ tính ỷ lại là cái thông bệnh của người Việt-nam. Nay đến lúc dạy cho thiếu niên Việt nam bài học tự cường tự lập, dạy cho họ biết khinh những đời sống tầm thường ủy mị, yên ổn gói trong mớ tư tưởng câu nệ, hạn định, cái tâm lý quá ư thủ cựu ấy, cái tâm lý của kẻ chỉ thích « giữ chỗ » ấy chính là, nếu tôi không lầm, kết quả của bao thế hệ đã nặng nề chịu giáo pháp của khổng ngoại. Trong các câu ca dao của ta, thiết tưởng không thiếu câu có hàm một ý niệm tự tín, một quyết định vui nhận bài học của mạo hiểm, của một cuộc đời rộng rãi đầy đủ, đầy đủ vì sống đến triệt - để bởi sự thiếu thốn. Rất hùng là đời ma triết của những kẻ ba bàn tay chẳng tự lập thân. — Vậy bà tất phải lúc nào cũng học những bài học xử thế thụ động của kinh truyện Trung hoa? (1)

Về luân lý xã hội, thì có hai điều nên bổ khuyết. Một nói về vệ sinh chung, người dân ta hầu như chưa có một quan niệm rõ rệt về sự bảo chủng. Những cái cẩu thả trong sự ở chung sống cạnh thực trái với phương - pháp phòng bệnh là mục đích của khoa vệ sinh, nhà trường phải tiết sức bài trừ. — Hai, nói về kỷ luật thì nên dạy cho trẻ hiểu sự tôn trọng kỷ luật theo một quan niệm tích cực. Ngày nay, cá nhân có một giá trị riêng, nên có nhiều dịp bầy tỏ tư tưởng của mình, miễn là sự tự do ấy không làm hại đến quyền lợi, thanh giá của đoàn thể mà cũng không có ý khinh miệt một cá nhân nào. Vậy cái kỷ luật thụ động càng với những cử chỉ không thực thà, nói mà cúi mặt, mà gải tai không nên có nữa.

Nói về tổ - quốc là thiên chất của khoa luân lý ở trường tiểu học, nên dẫn cho trẻ biết rõ cái năng lực của Quốc gia việt nam qua lịch sử, nào sức quật - cường trong các thời kỳ ngoại sâm, nào sức phản động cải tạo những khi nội trị bị lung lay, — và cần nhắt chứng thực các thành tích của nòi giống đã vẻ vang tranh đấu trên Bán đảo. Đây dương nguyên do ở sự cần lao và đoàn kết.

Trí dục — Ở nền học tiểu việt chưa cần dạy ngoại ngữ, nhưng cần dạy chữ hán. Hoặc dạy thành bài, hoặc quân một bài quốc văn mà dạy một vài danh từ thành ngữ bằng hán văn.

Ở lớp cao đẳng khoa sử ký phải tham bác cả lược sử nước Ai lao, và nước Cao man, mà chúng kết phải phác qua các công cuộc nam tiến, tây tiến của quần chúng đại-việt.

Khoa địa dư thường dạy bị âu hóa nhiều quá. Các danh-từ địa-lý thường thức hoặc chung cho cả Viễn-đông, hoặc riêng cho các địa phương Việt - nam, khác nào như phản ảnh của cảnh sắc-xứ sở, biểu lộ được cái kinh nghiệm xác-thực của sự sống còn hàng ngày, nhà trường phải hết sức hoan nghênh. Những tiếng quen quen như đồng xứ, thổ ngơi, độc, chiêm, mùa, đông chi, xuân phân... ta phải sưu tầm và định nghĩa cho hợp phép

Chương trình nền học thiếu-việt. *Sinh ngoại ngữ*: chú ý đến các thổ âm ở Đông dương, cùng những tiếng âu châu được thông dụng : (Nhật, Pháp, Anh, Tây ban nha..)

*Âm - nhạc, mỹ - thuật. (vẽ mặn)* : dạy thực hành chưa đủ, phải lý-luận quá về cái tinh thần nhạc nghệ và thủ nghệ của người Việt Nam xưa và nay và nên cực-lực tán dương sự thành công của thế hệ tài tử hiện-tại đã tạo nên những mỹ phẩm sứng với sở học của mình.

*Việt ngữ.*— Người Việt đặt câu không giống như người Pháp nói và viết, người Việt không cần phải theo cú pháp ngoại dương mà phân tích các phần tử chủ đề, hành động.. Một sự la lùng văn từ Việt Nam cũng vắn tắt, trừu tượng, súc-tích như văn từ la tinh. Vậy mang các giáo sư của ta, đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn chương nước pháp, nên cố mà thoát-ly cái ảnh hưởng hình thức của văn chương ấy, nghĩa là nên dạy nói và viết tiếng Việt Nam theo tinh thần cố hữu của Việt ngữ.

*Khoa học.* — Nên bàn về việc dùng danh từ trong khi giảng dạy bằng quốc ngữ. Thay vào những danh từ Pháp lan, thường thì ta lấy danh từ hán việt sẵn có, là danh từ người Tàu người Nhật đã dùng. Tôi thiết tưởng nên dùng chữ hán mà phiên âm danh từ ngoại quốc còn giữ được hình thức nguyên thủy (nghĩa là chưa bị pháp hoá) rồi châm chước ít nhiều cho hợp với định nghĩa ; như vậy hợp lý mà hiểu biết nhanh chóng hơn. Hoặc là ta lấy những tiếng rất thường của ta, mà dụng-ý ghép lại, cốt khi đọc lên các danh từ ấy biểu lộ được đặc tính của một chất, một loại.

Như désert nay dịch là di - sa
steppa — ty-thảo-ba
pampa — băng-a
maltose — đường-mật (hoặc đường mạch nha)
glucose : đường non
saccharose : đường già
méthane : thán khí tồ ao

*Thảo mộc học.*— Những cây cỏ nước ta nay phải sưu tầm và tra cứu các tiếng chỉ danh theo từng miền.

*Địa dư và sử-ký.* — Địa dư và sử ký nước nhà nên gồm làm một môn học, gọi là « quốc gia khoa học », vì lẽ rằng đó là môn học chuyên dạy tình yêu nước

### Thời khắc biểu

Những trường ấu việt ở thôn quê nên cho nghỉ theo lệ tục từng phương, theo các công việc đồng áng như những vụ gặt, phải cần đóng cửa nhà trường độ mươi lôm

### Kết luận

Thời gian càng trôi chảy, trong tâm trí người Việt cái ý tưởng độc lập càng ngày càng củng cố. Cái ý tưởng ấy sinh ra biết bao mối hi-vọng. Hi vọng, là tin ở tương lai nước nhà. Mà dự bị cho tương lai đó, cố nhiên là phải mau mau tìm phương cải tổ nền giáo dục.

KIM LUNG

1 tháng 6 năm ất

---

*1) Có một lần Khổng phu tử đến chữ cường. Nhưng ngài về cái cường của người phu nam, chưa đủ vậy. — Nhưng mạnh tử, cái quan niệm một kẻ trượng phu ngang tàng mới thấy rõ rệt vậy.*

# Vũ phạm Khải

## MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 2

TRÚC-KHÊ

Đó là lời kỷ thực vậy.! Lại một hôm các quan phụng họa bài thơ « Sơn tự thiền chung » của vua, đến đêm ai nấy đều đăng vào. Vua cười phán rằng :

— Thơ này bài nào cũng bị cái *thể cấm* (1) nó bó buộc, nên không hay lắm, duy có hai bài của Vũ phạm Khải, và Vũ văn - Lý là khá hơn. Nhưng bài của Vũ phạm Khải, hai câu 5, 6, nên đổi làm hai câu 3, 4, Khải có chịu không ? Dù vậy, cũng vào hạng xuất sắc hơn cả

Năm thứ 6, ông được thăng lên Hàn-lâm-viện trực học - sĩ, sau lại chuyển làm Hình bộ Hữu Thị - lang, kế lại vào làm việc ở tòa Nội - các, vì trong các khi ấy ít người biết việc, một hôm vua hỏi ông những lối thơ tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu ngôn cùng các thể cách đã từng nghiên cứu rõ chưa Ông thưa rằng :

— Thần chưa học thơ, bữa nọ phụng sắc kiểm xét những thể cách của các nhà thơ lịch đại, hơi biết một vài chút chưa thể hiểu biết hết được.

Ngài lại hỏi thơ có thể cấm, khởi từ bao giờ. Ông thưa rằng :

— Thể ấy do Âu - Dương Tu xướng lên rồi, Tô Đông pha họa theo ; đời Thanh vua Càn-long hay dùng thể thơ này lắm.

Lại hỏi *Tự - điển* với *Vận - phủ*, hai bộ sách cùng làm ở đời Khang-hy, cớ sao bên trong lại khác, lấy không đồng-âm, nghĩa cũng khác. Thưa rằng :

— Hai bộ này làm ra, thành sách có trước có sau mà biên soạn không phải do tay một người, cho nên có sự không khớp nhau ấy.

Lại hỏi gần đây trẫm có sai soạn bộ *Văn-quy* chẳng biết có sớm thành sách không. Thưa rằng :

— Vận-học mà đầy đủ không còn gì hơn sách *Vận-phổ*, đã có nguyên-bản tăng-bản, lại có nội tăng, ngoại - tăng, cộng 103 quyển, 1 vạn hơn 8 nghìn tờ. Nay bộ Văn-quy làm ra, lại để bù vào chỗ không đủ của bộ Vận - phủ, thế thì tất phải trải lâu năm tháng, góp nhặt kiếm tìm, chưa dễ đã thành tựu ngay được.

Một hôm vua cùng các quan bàn về công nghiệp đời Trung-hưng, ngài hỏi rằng :

— Bộ Chính-biên đệ - nhất kỷ được bao nhiêu quyển ?

Ông thưa :

— Niên-hiệu Gia-long năm đầu trở về sau, trải 18 năm, trong khoảng đó phàm những đại-kinh đại-pháp đều có chữ nghĩa có thể tra-xét được ; duy từ Tân-dậu (1801) trở về trước, đương hồi thảo-muội di-văn thiếu thốn mấy lần biên soạn, hiện thành dụng-bản được 60 quyển. Từ quyển 1 đến quyển 17, từng đã dâng lên ngự lãm, còn những quyển dưới, đã có lần đội ơn xét định, nhưng còn muốn tìm rộng kiếm khắp, để mong được thật đầy đủ rõ ràng, vì thế mà phải chậm trễ mãi, muốn để chờ đợi.

Vua lại hỏi :

— Sông Hà nước trong có 2 thuyết. Sách *Thập di Ký* nói nghìn năm một lần trong, sách *Khánh Thụy đồ* nói năm trăm năm một lần trong, vậy thuyết nào là phải ngày xưa ghi ngày tất lấy can chi phối hợp vào nhau, một đời khi lại chỉ cử ra có một, có chữ rõ ràng ở đâu như thế không ? Các ngày có 12 *trực*, phép ấy khởi có từ đời nào ?

Ông thưa rằng :

— Sách vở trăm nhà, thường khi sách này không đáng với sách khác. Cứ lấy kinh mà xét thì ông Mạnh tử có nói : « Năm trăm năm có bậc vương - giả dấy lên ». Nói về đạo thống của đế-

vương thì ông nói từ vua Nghiêu đến vua Thang, từ vua Thang đến vua Văn, từ vua Văn đến đức Khổng, đều cứ cách nhau 5 trăm năm cả. Trộm nghĩ như Khánh Thụy - đồ nói, có căn cứ hơn. Cách ghi năm tháng, gồm có cả can và chi, kinh Thượng - thư và kinh Xuân - thu đều như thế cả. Duy ở kinh Lễ-Ký, trong thiên Nguyệt - lệnh có nói : « Kỷ nhật giáp ất » ở Kinh thi, trong tập Tiểu-nhã có nói : « Cát nhật duy mậu », như vậy là chỉ ghi có can mà không có chi. Cái thuyết 12 *trực*, không rõ khởi tự bao giờ, nhưng ở truyện Vương Mãng trong Hán-thư có nói : « Ngày mậu thìn *trực* định, lên ngôi chính thức. » Trộm ngờ phép ấy khởi có vào khoảng cuối Chu, và Tần, Hán.

Vua im lặng lúc lâu rồi nói :

— Khanh là một cái hòm sách chăng ? Sự đọc sách cần phải rộng rãi như vậy.

Năm thứ 7, ông vẫn cung chức ở nội các. Hiến tổ nhân khi nhàn rỗi, thường đêm ra ngự ở Đông các, ngự chế nên những tập thơ *Tài thành phụ tướng, Tiên thiên hậu thiên*, sai ông và ông Nguyễn cửu Trường thân chép. Vua lại không theo cổ thể trong Kinh Thi, làm ra 9 bài thơ, sai ông cùng các quan trong Các chú giải. Chầu hầu nơi Cấm Cận lâu ngày, ông được nhà vua rất là yêu mến. Vua thường uỷ dụ rằng :

— Khanh hãy vì trẫm mà ở đây, đừng lo sự không được thăng bổ.

Một hôm ông vào tâu việc ở Tiện điện, có vị công chúa nhỏ hầu hạ bên vua, vua đùa trỏ vào ông mà bảo :

— Ấy quan Thượng thư râu xồm của trẫm đấy.

Một lát, ngài lại gọi ông là Thượng thư râu xồm, tức là có ý hứa hẹn đó. Các bạn đồng liệt bảo ông sao không sụp lạy để nhận lấy, ông nói :

— Chức quan Thượng thư tất phải do triều-đình công tuyển, há nên đo sự nói đùa mà được ư ?

Chưa bao lâu thì vua Hiến tổ thăng hà.

***

Vua Dực Tôn lên ngôi, buổi đầu ngài còn kính cẩn yên lặng, ông Khải từng tâu nên bầy bàn bạc, có giúp ích nhiều cho chính sự, nên vua cũng để ý yêu vì. Một hôm ấy ông đốt sáp ngồi đọc sách ở trong Các đốu khuya, vua lén đến nhòm thấy than rằng :

— Lúc mình còn ở tiềm để, tiếc không được một người như thế để làm thầy bạn.

Một hôm vào lúc canh một, có chỉ đặc triệu, vua gói một trăm lạng bạc, châu phê rằng :

— « Nghe Khanh nghèo, trẫm cho để làm món phụng dưỡng rau cháo hai thân của Khanh trong một ngày ».

Ông sợ tâu lại mà nhận lấy, trở ra nói rằng :

— Có sự sủng quyến không thường thì tất cũng có cái tai ọa không thường.

Rồi đó quả nhiên ông Khải có nhiều người không ưa. Sở dĩ thế, chưa hẳn riêng vì cớ ông được nhà vua mến trọng về văn tài, lại vì tính ông quá thẳng nói năng chẳng chịu giữ lời, thường khi lại có vẻ kiêu ngông, thiếu sự nhũn nhặn, nên đã khiến những người quyền yếu sinh ghét. Vua Dực Tôn thấy thế, đã từng có khi phải lấy lời răn bảo, nhưng tính quen của ông chưa thể mỗi chốc đã thay đổi đi được.

Ông Phan thanh Giản là người thi đỗ giáp khoa trước nhất ở Nam kỳ, thường được người ta khen là hiểu sâu sách Tả truyện nhưng ông nói :

— Tôi xem cử chỉ, giống như người chưa đọc Tả truyện.

(*Còn nữa*)

TRÚC-KH

---

*1) Thể cấm là thể thơ ngăn cấm những chữ không được dùng. Tô Động-pha ngày làm quan Nhữ-âm, nhân có tuyết xuống, họp các bạn lại làm thơ, cấm dùng những chữ ngọc, nguyệt, lê mai, luyện nhá, bạch, vũ, ngọc hạc, gọi là thể cấm. Sau Tô Đông-pha ở Cảnh châu, nhân đó tuyết được ân nghiệm, cũng làm thể thơ ấy.*

Cuộc tấu đối

# VUA MINH-MỆNH (1) VÀ TRỊNH HOÀI ĐỨC (2)

**Làm thế nào cho dân giầu, nước mạnh ?**

Có một hôm Trịnh hoài Đức, quan thượng-thư bộ Hộ vào bệ-yết đức vua Minh-mệnh, nơi Tiện-Điện (chỗ nhà riêng) có cả Hoàng thập Tử (con thứ 10) đứng chầu.

Vua Minh mệnh ban :

— « Ta thương dân như con, song con trong nhà, ta hắt tập theo lễ phép thế này; còn ngoài dân, ta muốn khai hóa, dạy về đường thực-tế. Thầy là người lịch lãm tất có nhiều phương lược giúp ta thế nào cho dân được giầu, cho nước được mạnh ? »

Trịnh hoài Đức tâu :

— « Theo Khổng Phu Tử, các vua đời xưa không lo dân không giầu, mà chỉ lo dân không yên ».

Ban : — Yên mà nghèo thì ưởng gì ?

Tâu : — « Giầu mà không yên, dù có lúa đầy kho, cũng ăng ngồi mà ăn được ».

an : — « Bất hoạn bần nhi ạn bất an, lời ông Khổng ẫn đúng, song sự không yên có phải tự giầu mà sinh ra đâu ?

Tâu : — « Không phải tự giầu, mà tự sự « muốn giầu ».

Ban : — Thế ta muốn dân giầu là ta « đem sự không yên đến cho dân hay sao ?

Trịnh hoài Đức cúi đầu không tâu lại.

Vua Minh mệnh hỏi thế nào ?

Trịnh hoài Đức tâu :

— « Cả thiên hạ, có ai mà chẳng muốn giầu ? người giầu muốn giầu thêm, người nghèo muốn nên giầu, tính tham dục tự nhiên đã có sẵn trong lòng ; Cạnh tranh theo đồng tiền, trục lợi, đầu cơ, không còn biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ, là gì ? Người người đều như thế cả ; dân càng giầu thì nước càng yếu. »

Ban : — « Vậy nên làm thế nào ?

Tâu : — « Dân đang còn ở thời kỳ thơ ấu, chẳng khác gì ông Hoàng tử đứng chầu đây, Hoàng Đế đã thương dân như con, chúng tôi dại nghĩ nên cho chung vào một nền giáo dục. Hoàng Đế dạy lễ-phép, là dạy những tư-cách làm người ; bao giờ ngoài dân biết trọng những tư cách làm người, hơn những tư cách làm tiền, thì ngày ấy, nền trật tự vững vàng. Nền trật tự mà vững vàng là hạnh phúc chung, hạnh phúc của Hoàng Đế tạo cho ; còn sự nghiệp giữa đời, chúng tôi tưởng nên để cho cá nhân, tự tạo lấy. »

Vua nghe hài lòng, từ ngày ấy ra lệnh làm cho giáo dục được phổ thông sắc cho bộ Lệ xét ngoài dân, nhà nào có nghĩa - phu tiết - phụ, hiếu-tử tử - tôn, thì tận để thưởng tứ bằng vàng, còn nhà nào vì lợi mà tương-tranh thì nghiêm trị theo pháp luật.

*Trích thuật theo Minh-mệnh chính yếu và Tùng Thiện Vương. Tiên sử và Thi vân).*

LONG ĐIỀN

*(1) Vua Minh-Mệnh thọ 50 tuổi, tại vị 21 năm (1820-1840) húy là Đảm, có 78 Hoàng Nam, 64 hoàng nữ, là ông vua thứ hai đời nhà Nguyễn bây giờ.*

*(2) Trịnh Hoài Đức, chính tên là An, tự là Chi Sơn hiệu Cấn Trai, Tổ Tiên là người tỉnh Phúc Kiến bên Tàu tránh loạn Mãn châu sang ngụ tại Trấn Biên (Biên Hòa) ở Nam Kỳ, mồ côi cha từ 10 tuổi, bà mẹ cho theo học cụ Võ Trường Toản, sau ra giúp chúa Nguyễn làm đến chức Cần chánh điện đại học sĩ, thọ 61 tuổi mất năm 1825.*

## CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

**Xin các bạn đọc nhớ trả ngay tiền báo để giúp tòa báo tiến hành mọi công việc trong lúc khó khăn này. Đa tạ.**

TY TRỊ SỰ

*Muốn làm giàu mua vé số*

**Dông Dương**

**2$00 một vé**

## Ta phải chống lại...

(Tiếp theo trang 6)

ầm lên tỏ ý tán thưởng và cứ vỗ đuôi đầm đẹp lên sàn để khen tài kép hát! Sau cùng ta lại còn được nghe bài thiếc phụ Việt-Nam, có cái tên mỹ miều là: « Cây liễu dưới bóng trăng: (Saule-sous la-lune), và « Cái run của cành tre » (Frisson-de-Bambou) đưa vống ru con, bắt một câu quả gở không biết thuộc về tiếng nước nào:

Ya a el dou, ya ta el dou

và mấy anh lái thuyền ca bài « Li-ou-li-sai » ảo não:

Oh! tcho.....tchong!

Oh! tcho.....tchong!...

Hơn thế nữa, trải qua các tác-phẩm của một số nhà văn thiếu lương-tâm, chúng ta đã bị họ mô-tả như một giống người dã-man, có phong-tục, tập-quán mọi-rợ, có cái tâm-lý của người man-di.

Một nhà du-lịch pháp quả-quyết rằng người *Việt Nam muốn tỏ lòng kính trọng có lối thở khói thuốc lá vào mặt nhau; những lúc làm lễ tương-kiến, họ ôm lấy nhau mũi cọ vào mũi, hít thật mạnh.* Và đây là tục cưới xin: « *Cô dâu chú rể ném từng nắm gạo vào mặt nhau, và bò rạp xuống đất* (?), *vái lạy nhau để tỏ ý khuất phục* (?) » (Petites épouses: Myr am Harry). Còn về tục lệ đám ma, thì theo Louis Beunat trong quyển « Journal de Tica » đã nói ở trên, « *tang-gia đánh trống để tỏ sự vui mừng và đau đớn* » (! ?) (On bat le tam-tam en signe de réjouissance et de deuil) — Và các bạn có biết tại sao dân quê việt nam xưa kia lại sợ người Pháp không? Emile Nelly và nhiều « nhà văn » nữa nói đấy là vì « dân bản xứ » tin rằng « người Pháp có hai con mắt xanh lè, và mồ hôi thối tha như mùi xác chết »!

Năm nào, báo Gringoire bên Pháp có đăng mấy bài khảo cứu (!) về Đông dương: *Người Việt Nam, dưới mắt tác giả; là một giống hoang-dâm ghê tởm: « một khi bị xác thịt thúc giục, là họ hóa ra những quân mọi-rợ không sao kiềm chế rồi, những con thú trong thời kỳ động nừng* » (Es deviennent des sauvages déchaînés, des bêtes en rut dès qu'intervien en eux le désir amoureux). Theo René Thomy, tác-giả thiên phóng sự « La magie aux colonies », « có khi nhiều ngày người đàn bà Việt Nam phải không không dám giữ được trong những thú phong-tình: những ngày mùng một, rằm, và 29 mỗi tháng, những hôm thần linh không phù hộ (?), và mỗi lần họ đã nhỡ ăn phải tôi bay phải hành » « Nhưng mà không can gì — tác giả viết nốt. — người An-nam có nhiều thứ thuốc trắng dương cực kỳ mãnh-liệt, những món ăn lạ-lùng, khiến cho họ lại khoẻ-khoắn như thường sau một đêm trác táng, và lại... sẵn sàng để « làm việc » hăng-hái hằng năm hằng mười hôm trước »

Đấy, bọn nhà văn pháp đã cố ý lừa dối công-chúng như thế đó! Những ai chưa bao giờ có dịp sang du-lịch bên Viễn-đông để bị thứ văn-chương vu-cáo ấy huyễn-hoặc và sẵn sàng để tưởng-tượng rằng người mình cũng dã-man như các dân-tộc bên châu Phi. Vì vậy, phần đông dân Pháp hơn bảy mươi năm giời sau khi họ sang « khai-hóa » nước này — vẫn tự hỏi mầu da người Việt Nam thế nào, chúng ta có ăn thịt người không? Ngày thơ thay nhời tuyên-bố của giáo-sư pháp nọ trước mặt đám sinh-viên Việt-Nam, khi ông ta mới bước chân lên đất Đông-Dương: Ông ta nói lấy làm sửng sốt và vui sướng được tiếp sức với một bọn thiếu-niên anh-tuấn, vì trước khi sang đây, giáo-sư cứ tưởng-tượng sẽ « rơ » vào một đám mọi đang nhảy múa hò hét chung quanh đống lửa thiêu thân-thể một người da trắng!

Như thế, ta không còn lấy làm lạ nữa khi ta thấy nhiều nhà xã-hội học trong đó có Levy Bruhl — theo lời bạn Đinh gia Trinh trong một số Thanh nghị — đã có khi liệt người Đông-dương vào hạng người trong dân-tộc ấn tý, có tâm-trạng cổ lỗ. Và trong khi bảy tỏ rằng các dân tộc sơ khai ấy không nhận rõ được đủ các mầu, Cuvillier, và mấy nhà triết học nữa, mang người mình ra làm thí dụ: *Người An-nam ông ta viết chỉ trông rõ những mầu trắng, đen, vàng, đỏ thôi* », *nghĩa là họ bảo chúng ta không nhận rõ được mầu xanh, mầu tím, mầu* [illegible] *chẳng hạn!*

Bây giờ đến lượt những nhời phán-đoán liều-lĩnh, hỗn-xược, nhiều khi có tính-cách một câu lăng-mạ:

Jacques Méry trong quyển « Cavernes » đã đảm bảo dân-tộc Việt-nam là « *một giống người nô lệ, một đám quần-chúng xuẩn-ngốc, vô tư cách, bao giờ cũng sẵn sàng để mở nổi loạn, và chạy trốn thoát thân* » (une race d'esclaves, une foule inepte toujours prête à la révolte et à la débandade). Claude Farrère đã tìm được một định nghĩa không thể vắn tắt và gọn-gàng hơn để phán-đoán bà dân-tộc văn-minh nhất Viễn-Đông: « *Người Nhật - Bản giết người, người Trung hoa ăn cắp, người Việt - Nam thì vừa ăn cắp vừa giết người* » (le Japonais est assassin, le Chinois voleur, l'Annamite est l'un et l'autre). Một tên khác, P. Bonne-

tain trong quyển « Au Tonkin », còn đi xa hơn nữa. Hẳn bảo : « *Nhút nhát, bẩn thỉu, hay ăn cắp, và giảo-quyệt, đấy là tính-tình người an-nam* » ! (Couard, sale, voleur e fourbe, tel est l'Annamite). Và ông Thượng Chi trong một bài báo đăng ở Nam Phong năm 1921 kể rằng : một ông đốc tây ở Hànoi làm bộ sách tập đọc cho học trò trường Pháp - Việt trong sách có một bài nói về tính xấu người An-nam, từ đầu chí cuối toàn là một giọng thóa-mạ : « Người An-nam gian-trá, biếng-lãn, hay nói dối, hay ăn cắp, hay lừa thầy, hay phản chủ, v. v », cứ thế suốt một trang ! Bài đó là bài dạy về « hình dung từ » (adjectifs) : các cậu học trò ta nhờ tiên sinh bữa ấy học được một mớ adjectifs hay... ».

*Một buổi hát làm phúc :*

**HẠN SÔNG Ô**

*Vở kịch tuyệt hay nay của ban* TÔ - NHƯ, *đến tối 15 - 8 - 45, sẽ đem đặc diễn tại rạp Hàng Bạc để lấy tiền giúp đoàn Thanh niên Thị-Cấm (Phương-Canh Hoài đức) lập sân vận-động. Vé bán tại 97 Hàng Gai, 29 Hàng Thiếc và 196 Hàng Bông*

Cái lối phán đoán ấy chính là cái lối « vơ đũa cả nắm » giống như chuyện anh chàng người anh họ vừa chân rớt chân ráo tới Calais thì gặp ngay một chị đàn bà có bộ tóc đỏ hoe. Thế là anh chàng móc túi lấy sổ tay, trịnh-trọng ghi ngay điều nhận xét đầu tiên của mình trên đất Pháp : « Người đàn bà Pháp tóc hung » ! Nhiều « nhà văn thuộc địa » cũng mắc phải cái tật ấy. Thấy người đàn bà nhà quê cần rận chấy, là họ bảo tất cả đàn bà An-nam hay ăn chấy rận. Bắt gặp anh bếp ở nhà đang « lăn bột lên ngực » để nặn bánh (?), Jeanne Leuba bảo ngay là người Việt-Nam vẫn quen ăn bẩn. Và không biết hẳn có hiểm thù riêng gì phụ nữ Việt-nam, mà mụ đầm ấy lại hằn học gọi *những « đàn bà bản xứ » là « đàn khỉ cái da vàng mõm dẹt trông cỏ đặc súc vật »* Thật là liều lĩnh và hỗn sược, các Thiếu nữ « xinh-như-mộng » của ta nghĩ sao ?

Chính một vài nhà văn pháp đã phải lên tiếng phản - đối lối bình phẩm mơ-hồ đó. Louis Malleret đã viết trong cuốn : « L'exotisme indochinois dans la littérature coloniale » : « *Phần nhiều những « nhà văn đông dương » chỉ được biết người bản xứ qua lũ « bồi » của* họ thôi. Vì thế họ cứ nhắc đi nhắc lại về sự vô ơn, tính quỷ-quyệt, lừa lọc, man trá, và lòng tham lam của người Việt-Nam. Và trong hầu hết các tác-phẩm của A de Pourvourville, ta đều thấy nói đến tính dối trá, ngấm ngầm của dân lộc ấy ».

*(Còn nữa)*

VŨ-BỘI-LIÊU

## GÓP VUI

### Nhát đến thế là cùng

Hơn 60 năm Pháp thuộc, bọn thực dân Pháp đã khéo dò tâm lý người mình, luyện nên một bọn quá ư khốn nạn.

Bọn ấy chẳng hề nghĩ gì đến sự trị chúa trạch dân mà chỉ ngữ sao cho nhà cửa được giầu sang, con cháu được sung sướng, đến nỗi xu phụ quyền quý, cúi đầu thờn sau mà được vinh hiển cũng vuốn làm.

Họ lại kèn nhát đến nỗi họ không giám nghĩ đến chính trị nữa ! Đã không giám nghĩ thì chớ, nếu bố mẹ họ, anh em họ hay bạn hữu họ có bàn đến chính trị, họ cũng không giám đề cập đến.

Một vị quan kia có người bạn chí thân, thân đến nỗi từ việc tìm thầy, tới việc đi hỏi vợ, người bạn ấy phải gánh vác cả. Lúc vị ấy còn là tri - phủ, người bạn đưa mừng một đôi câu đối, thấy bỉ bửng treo ở nhà. Mấy năm sau, người bạn kia đã có tai tiếng là « làm chính trị » thì không hiểu sao đôi câu đối kia tự nhiên không cánh mà bay đi mất. Có gì đâu, quan ngài sợ, sợ quan trên có đến, thấy đôi câu đối hỏi sao lại quen người này chăng ? nên phải cất đi.

Kịp khi người bạn ấy mất, quan ngài đã là tổng đốc về tri-sĩ, tuy gặp lúc nước nhà được giải phóng, vậy mà quan ngài cũng không dám đến chia buồn với gia quyến người bạn đã có công tác thành cho mình, thì ra quan ngài sợ nay mai « tây nó » trở lại thì mấy đứa con mình sẽ mất ngôi tri-huyện cùng chủ sự ! Ôi sao lại có một vị quan hèn nhát đến thế là cùng !

B. N

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi